TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-11-2019
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Nghiêm.
2. Ông Nguyễn Mai Độ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1980. *(Có mặt)*
Địa chỉ: Khu vực C, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1981. *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu vực C, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:***

Năm 1997, sau một thời gian tìm hiểu, chị và anh Nguyễn Thanh P đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới An vào ngày 01/9/2003. Quá trình chung sống, chị và anh P sinh được 02 con chung là Nguyễn Thị Ánh T1 (nữ, sinh ngày 13/3/1999) và Nguyễn Thanh N (nam, sinh ngày 05/8/2003).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm, anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị

khuyên can thì anh P đánh đập chị. Chị cũng đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Ngày 19/7/2019, trong lúc cãi nhau anh P đã đánh và đuổi chị ra khỏi nhà. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

- *Về con chung:* Nguyễn Thị Ánh T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh N đến trưởng thành, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

**** Tại Bản tự khai ngày 16/8/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày:***

Anh thống nhất ý kiến với chị Trần Thị T về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T. Theo anh, trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tuy nhiên mâu thuẫn không lớn đến mức phải ly hôn, anh không có đánh đập chị T. Nay anh vẫn còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được đoàn tụ.

- *Về con chung:* Có 02 con chung là Nguyễn Thị Ánh T1 (nữ, sinh ngày 13/3/1999) và Nguyễn Thanh N (nam, sinh ngày 05/8/2003). Nguyễn Thị Ánh T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng. Trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên hòa giải, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Trần Thị T yêu cầu ly hôn với anh P. Về con chung, chị T đồng ý để anh P được nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh P vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thanh P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp

pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, chị T khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P là vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 01/9/2003, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị T cho rằng vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn cách đây khoảng 04 năm, chủ yếu do bất đồng quan điểm sống và bất hòa về tình cảm, anh P không những có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác mà còn nhiều lần đánh đập chị. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2019 đến nay. Nay chị không thể tiếp tục chung sống với anh P nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Tại phiên hòa giải, anh P cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhưng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, anh không có đánh đập chị T và anh vẫn còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được đoàn tụ.

Xét thấy, chị T có yêu cầu ly hôn, anh P không đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án, cả chị T và anh P đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã nhiều lần tạo điều kiện cho chị T, anh P hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng cho đến nay mâu thuẫn giữa anh chị vẫn không giải quyết được. Anh P cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T nhưng lại không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị T thì khẳng định không thể tiếp tục chung sống với anh P. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh P cùng xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Ánh T1 (nữ, sinh ngày 13/3/1999) và Nguyễn Thanh N (nam, sinh ngày 05/8/2003). Nguyễn Thị Ánh T1 đã trưởng thành nên chị T, anh P không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh P cùng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, chị T có thay đổi ý kiến, do cháu N có nguyên vọng được tiếp tục sống chung với anh P nên chị T tôn trọng nguyện vọng của cháu N, chị T đồng ý giao cháu N cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và sự thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu N nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Mặc dù chị T không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho chị T quyền được thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở chị T thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, do anh P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh P thống nhất tự thỏa thuận, hiện các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp số tiền 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh N (nam, sinh ngày 05/8/2003) cho anh Nguyễn Thanh P nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản chị T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh P thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chuyển số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 010507 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành án phí (công nhận chị T đã nộp án phí xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P. Thới An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế